TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 725/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức *tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Đức H, sinh năm 1978

Địa chỉ: khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Trần Đức H tự nguyện kết hôn vào năm 2013 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi lập gia đình chúng tôi sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc ngay từ đầu nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 20/4/2014. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung Bà L xác định không có.

Bị đơn ông Trần Đức H mặc dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Ông Trần Đức H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Trần Đức H cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bị đơn ông Trần Đức H đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đức H tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 24/10/2013 do Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 29/12/2017 Bà L nộp đơn xin ly hôn với ông H. Trong quá trình hòa giải Bà L kiên quyết xin ly hôn, ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét yêu cầu ly hôn của Bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L và ông H tự nguyện kết hôn từ năm 2013, theo Bà L cho rằng cuộc sống chung vợ chồng có

nhiều mâu thuẫn, những mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không hợp nhau từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Căn cứ vào công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 76/VHTT ngày 17/5/2018 của Phòng Văn hóa thông tin quận Thủ Đức thì lời trình bày của Bà L là có căn cứ, chính điều này cho thấy giữa hai bên đã có những khác nhau về mặt nhận thức, làm cho cuộc sống chung không thể tiếp tục, các mâu thuẫn không được quan tâm giải quyết chứng tỏ khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng là không có. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ tháng 9/2017, Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để giải quyết việc yêu cầu ly hôn cho thấy ông H thiếu thiện chí và không tôn trọng pháp luật, vì vậy căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Bà L về việc xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của Bà L và tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định Bà L và ông H có 01 người con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 20/4/2014, hiện bà đang trực tiếp nuôi con. Bà L có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung và tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của Bà L, Hội đồng xét xử xét thấy Bà L đang trực tiếp nuôi con chung tên Trần Bảo N, ông H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu được nuôi con chung của Bà L nhưng không có ý kiến gì nên yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung của Bà L sau khi ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ vào Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà L được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Trần Bảo N để ổn định môi trường phát triển và học tập. Ghi nhận việc Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại Tòa, Bà L xác định tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 Bà L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 8, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Trần Đức H.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 20/4/2014 cho Bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Trần Đức H phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận việc Bà Nguyễn Thị L xác định không có.

2-/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Bà L đã nộp theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0038075 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Bà L đã nộp đủ án phí. Ông Trần Đức H không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.